TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 130/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17-5-2023
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa*: Ông Thái Chí Bình.

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Nguyễn Văn Hồng;

2. Bà Hoàng Thị Thiện Lai.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Ngô Thị Lắm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa*:** Bà Đoàn Thụy Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 206/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2023 về việc "tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 230/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị Kiều P, sinh năm 1986; địa chỉ: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang; có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn Võ Thị Kiều P: Ông Bùi Quốc N, sinh năm 1981; địa chỉ: số A, khóm M, thị trấn M, huyện C, tỉnh An Giang; là Luật sư Chi nhánh Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn một thành viên P thuộc Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ; có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Minh N, sinh năm 1977; địa chỉ: ấp L, xã L1, huyện C, tỉnh An Giang; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Võ Thị Kiều P trình bày, qua mai mối, bà P và ông Nguyễn

Minh N tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L1, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang vào ngày 30/5/2005. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh được 02 con chung tên Nguyễn Thị Phương Nh, sinh ngày 21/01/2007 và Nguyễn Vĩnh T, sinh ngày 04/5/2011. Hiện tại, cháu Nh, cháu T đang được bà P chăm sóc, nuôi dưỡng.

Vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu tháng 8/2022 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã và mâu thuẫn gay gắt từ tháng 3/2023 do cuộc sống không phù hợp, ông N lo ăn chơi, không quan tâm vợ, con. Bà P có khuyên nhiều lần nhưng ông N không sửa đổi. Mâu thuẫn giữa bà P, ông N chỉ diễn ra trong nội bộ gia đình, địa phương không biết. Bà P và ông N không còn sống chung từ đầu tháng 3/2023 cho đến nay.

Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà P yêu cầu được ly hôn với ông N; yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi dạy 02 con chung; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện bao gồm: Giấy chứng nhận kết hôn số 38, quyển số 01, ngày 30/5/2005 do Ủy ban nhân dân xã L1, huyện C cấp cho ông Nguyễn Minh N và bà Võ Thị Kiều P (bản sao); Giấy khai sinh số 22, quyển số 01, ngày 01/02/2007 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện C cấp đối với Nguyễn Thị Phương Nh (bản sao); Giấy khai sinh số 38, quyển số 01/2011, ngày 25/5/2011 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện C cấp đối với Nguyễn Vĩnh T (bản sao).

- *Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Minh N trình bày*, thống nhất với ý kiến của bà P về điều kiện đi đến hôn nhân, thời gian kết hôn, việc đăng ký kết hôn; về con chung và người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung; thời điểm phát sinh mâu thuẫn vợ chồng và thời gian vợ, chồng không còn sống chung. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng là do ông N không lo làm ăn, không chăm lo kinh tế gia đình, tụ tập bạn bè tham gia ăn chơi, gây nợ. Bà P có khuyên nhiều lần nhưng ông N không thay đổi. Mâu thuẫn giữa bà P, ông N chỉ diễn ra trong nội bộ gia đình, địa phương không biết. Trong thời gian không còn sống chung, ông N có đến thăm vợ, con nhưng bà P không tha thứ cho ông N. Do còn thương vợ, con nên ông N không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà P. Trong trường hợp Tòa án cho ly hôn, ông N chấp nhận để bà P tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung, ông N không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn, bị đơn trình bày ý kiến, yêu cầu như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và xác định không còn tài liệu, chứng cứ nào khác cung cấp thêm.

- Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Về quan hệ hôn nhân, trong thời gian chung sống, bà P, ông N thường xuyên mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cuộc sống chung không hợp nhau. Ông N thường đánh bạc thiếu nợ nhiều người. Người thân có khuyên can nhưng ông N không từ bỏ. Mặc dù, ông N không đồng ý ly hôn nhưng tình cảm vợ chồng giữa bà P, ông N không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà P đối với ông N.

Về con chung, đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà P, giao 02 con chung cho bà P tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng; không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi dạy 02 con chung. Về tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72, 75, 76, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, bà P và ông N kết hôn, có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa bà P, ông N hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Trong thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường hay cãi vã, đỉnh điểm vào đầu tháng 3/2023 do ông N không lo làm ăn, không quan tâm vợ con, thường tụ tập ăn chơi. Vợ chồng không còn sống chung từ thời gian đó cho đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà P yêu cầu ly hôn với ông N.

Ông N thống nhất với ý kiến của bà P về thời gian kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng. Tuy nhiên, ông N không đồng ý ly hôn do còn thương vợ, con.

Xét thấy, nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà P với ông N do ông N không chăm lo kinh tế gia đình và không quan tâm vợ con; cùng bạn bè ăn chơi, mặc dù, đã được bà P khuyên can nhưng không thay đổi. Ông N không đồng ý ly hôn nhưng từ khi bà P nộp đơn khởi kiện cho đến nay, ông N không đưa ra được giải pháp để hàn gắn hạnh phúc. Điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Vì vậy, bà P yêu cầu ly hôn với ông N là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung, đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà P, giao cháu Nh, cháu T cho bà P tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, do đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không đề cập giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà P đối với ông N; bà P được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nh, cháu T; ông N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà Võ Thị Kiều P khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Minh N. Đồng thời, ông N cư trú trên địa bàn huyện C. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Bà P và ông N tự nguyện kết hôn vào năm 2005 và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông N là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bà P cho rằng, vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu tháng 8/2022 thì phát sinh mâu thuẫn thường xuyên cãi vã và mâu thuẫn gay gắt từ tháng 3/2023 do cuộc sống không phù hợp, ông N lo ăn chơi, không quan tâm vợ, con. Bà P có khuyên nhiều lần nhưng ông N không sửa đổi. Bà P và ông N không còn sống chung từ đầu tháng 3/2023 cho đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà P yêu cầu được ly hôn với ông N.

Ông N thống nhất với trình bày của bà P về nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian không còn chung sống. Tuy nhiên, ông N cho rằng do còn thương vợ, thương con nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà P.

Xét thấy, bà P, ông N thống nhất mâu thuẫn vợ chồng do ông N không lo làm ăn, chăm lo kinh tế gia đình, cùng bạn bè ăn chơi, gây nợ. Bà P có khuyên can nhiều lần nhưng ông N không sửa đổi. Bà P, ông N không còn sống chung từ đầu tháng 3/2023 cho đến nay. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay, bà P, ông N không chủ động và không thể hiện thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên hòa giải trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã động viên các bên hàn gắn tình cảm nhưng bà P vẫn kiên quyết ly hôn. Từ đó, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa bà P, ông N là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà P đối với ông N theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà P, ông N cùng xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 02 con chung tên Nguyễn Thị Phương Nh, sinh ngày 21/01/2007 và Nguyễn Vĩnh T, sinh ngày 04/5/2011.

Xét thấy, con chung đang được bà P chăm sóc, nuôi dưỡng, phát triển ổn định. Đồng thời, theo các biên bản ghi ý kiến ngày 06/4/2023 do cán bộ Tòa án lập, cháu Nh, cháu T có nguyện vọng được sống cùng bà P trong trường hợp bà P, ông N ly hôn. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho con chung, giúp con chung phát triển tốt về thể chất, tinh thần, Hội đồng xét xử giao cháu Nh, cháu T cho bà P tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng theo Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, do bà P không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi dưỡng cháu Nh, cháu T nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà P, ông N xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà P phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Ông N không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Kiều P.

1. Về hôn nhân: Bà Võ Thị Kiều P được ly hôn với ông Nguyễn Minh N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 38, quyển số 01, ngày 30/5/2005 do Ủy ban nhân dân xã L1, huyện C, tỉnh An Giang cấp cho bà Võ Thị Kiều P và ông Nguyễn Minh N không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

Bà Võ Thị Kiều P được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung tên Nguyễn Thị Phương Nh, sinh ngày 21/01/2007 và Nguyễn Vĩnh T, sinh ngày 04/5/2011. Ông Nguyễn Minh N không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Bà Võ Thị Kiều P cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Nguyễn Minh N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí sơ thẩm:

Bà Võ Thị Kiều P phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2022/0013435 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang cấp ngày 04 tháng 4 năm 2023; bà Võ Thị Kiều P đã nộp đủ án phí.

Ông Nguyễn Minh N không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Võ Thị Kiều P, ông Nguyễn Minh N có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Chợ Mới (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện C (1);
- UBND xã L1, huyện C, tỉnh An Giang (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Chí Bình